

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG
HỘI ĐỒNG THI CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ KỲ THI CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

NGÀY THI: 24,25/7/2021

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành		
1	CNTT1356	Mông Bảo An	17/08/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,5	Đạt	
2	CNTT1357	Đặng Duy Anh	10/08/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,0	6,0	Đạt	
3	CNTT1358	Hoàng Thị Lan Anh	16/08/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	5,5	Đạt	
4	CNTT1359	Hoàng Thị Lan Anh	20/11/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,5	5,5	Đạt	
5	CNTT1360	Tô Tuấn Anh	22/11/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,7	6,0	Đạt	
6	CNTT1361	Trần Tuấn Anh	26/09/1993	Lạng Sơn	Nam	Kinh	7,5	7,0	Đạt	
7	CNTT1362	Triệu Tuấn Anh	24/04/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,5	6,0	Đạt	
8	CNTT1363	Hoàng Thị Hồng Ánh	19/10/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	6,0	Đạt	
9	CNTT1364	Lưu Ngọc Ánh	18/08/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,0	5,5	Đạt	
10	CNTT1365	Dương Thị Ba	24/02/1995	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	8,0	8,0	Đạt	
11	CNTT1366	Tô Xuân Bách	05/08/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	5,5	Đạt	
12	CNTT1367	Hoàng Văn Bảo	03/10/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,2	6,0	Đạt	
13	CNTT1368	Lương Thị Bích	25/05/1988	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	8,0	7,5	Đạt	
14	CNTT1369	Nông Văn Dữ	16/08/1993	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,7	7,0	Đạt	
15	CNTT1370	Dương Thị Hiền	28/08/1989	Lạng Sơn	Nữ	Tày	8,2	7,5	Đạt	
16	CNTT1371	Lưu Thị Hiền	12/09/2002	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,2	6,0	Đạt	
17	CNTT1372	Phùng Tiến Hoàng	08/06/1995	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,7	7,5	Đạt	
18	CNTT1373	Nông Gia Hưng	05/09/1982	Lạng Sơn	Nam	Nùng	-	-	-	Vắng thi
19	CNTT1374	Vi Thị Hương	19/11/1996	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,5	8,0	Đạt	
20	CNTT1375	Lê Quốc Khánh	16/03/1992	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,5	7,5	Đạt	
21	CNTT1376	Âu Thị Liên	03/07/1987	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,2	7,5	Đạt	
22	CNTT1377	Hoàng Thảo Linh	18/02/1992	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,5	7,5	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
23	CNTT1378	Dương Văn	Mười	10/02/1997	Lạng Sơn	Nam	Nùng	8,0	7,0	Đạt	
24	CNTT1379	Lăng Thúy	Mười	16/04/1979	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,7	7,0	Đạt	
25	CNTT1380	Lưu Văn	Nghĩa	11/08/1998	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,5	6,5	Đạt	
26	CNTT1381	Nguyễn Thị Hạnh	Nguyên	30/06/1994	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	7,5	7,5	Đạt	
27	CNTT1382	Lương Trọng	Nhân	02/03/1995	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,5	7,0	Đạt	
28	CNTT1383	Nông Văn	Sang	22/01/1998	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,7	7,0	Đạt	
29	CNTT1384	Hoàng Thị Nguyệt	Tâm	19/02/1998	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	8,0	7,0	Đạt	
30	CNTT1385	Chu Thu	Thủy	11/03/1996	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,7	6,5	Đạt	
31	CNTT1386	Tô Thị	Thương	13/06/1995	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	-	-	-	Vắng thi
32	CNTT1387	Lương Thủy	Tiên	18/09/2002	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,5	7,5	Đạt	
33	CNTT1388	Đình Nông	Trang	15/04/1986	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,7	7,5	Đạt	
34	CNTT1389	Hoàng Thị Mai	Trang	30/11/1997	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,5	7,5	Đạt	
35	CNTT1390	Phương Lệ	Trâm	24/02/2001	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,5	6,5	Đạt	
36	CNTT1391	Phạm Ba	Trung	17/09/1993	Lạng Sơn	Nam	Kinh	8,0	6,5	Đạt	
37	CNTT1392	Hoàng Văn	Tuấn	09/04/1987	Lạng Sơn	Nam	Nùng	8,0	7,0	Đạt	
38	CNTT1393	Trần Minh	Tuấn	18/02/1998	Lạng Sơn	Nam	Nùng	8,2	7,5	Đạt	
39	CNTT1394	Lưu Thị	Tuyết	17/09/2002	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,7	7,0	Đạt	
40	CNTT1395	Phùng Văn	Tước	11/09/1994	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,7	6,5	Đạt	
41	CNTT1396	Nông Quốc	Bảo	09/01/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	5,5	Đạt	
42	CNTT1397	Phương Quốc	Bảo	15/05/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,5	Đạt	
43	CNTT1398	Âu Thị	Bay	19/01/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,7	5,5	Đạt	
44	CNTT1399	Lý Văn	Bằng	03/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,2	5,0	Đạt	
45	CNTT1400	Hà Trung	Bảy	11/11/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,0	Đạt	
46	CNTT1401	Chu Văn	Biên	11/03/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,5	5,0	Đạt	
47	CNTT1402	Vi Văn	Bình	10/12/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,5	5,5	Đạt	
48	CNTT1403	Lương Thế	Chài	13/01/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,0	Đạt	
49	CNTT1404	La Thị	Chi	19/05/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,0	5,0	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
50	CNTT1405	Hoàng Công	Chiến	20/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,2	5,5	Đạt	
51	CNTT1406	Nông Văn	Chiến	04/04/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	5,5	Đạt	
52	CNTT1407	Hoàng Thị Ngọc	Chinh	05/08/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,5	5,0	Đạt	
53	CNTT1408	Hoàng Thị	Chúc	13/01/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,7	6,0	Đạt	
54	CNTT1409	Lương Thảo	Chúc	01/06/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,5	6,0	Đạt	
55	CNTT1410	Chu Văn	Chung	07/11/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	5,5	Đạt	
56	CNTT1411	Hoàng Quốc	Chung	21/01/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	5,0	Đạt	
57	CNTT1412	Hoàng Thị Ngọc	Chuyên	05/08/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,0	5,0	Đạt	
58	CNTT1413	Luân Việt	Chuyên	26/08/2001	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,5	5,0	Đạt	
59	CNTT1414	Hoàng Mạnh	Cường	29/08/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	5,5	Đạt	
60	CNTT1415	Hoàng Thị Thu	Diệu	04/06/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,5	6,0	Đạt	
61	CNTT1416	Lý Tiến	Doanh	15/10/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	5,0	Đạt	
62	CNTT1417	Lộc Minh	Dũng	19/11/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,2	5,5	Đạt	
63	CNTT1418	Lương Văn	Dũng	05/07/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	6,0	Đạt	
64	CNTT1419	Hà Khánh	Duy	21/02/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,5	5,0	Đạt	
65	CNTT1420	Tô Khánh	Duy	17/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,5	5,0	Đạt	
66	CNTT1421	Hoàng Đức	Dự	15/03/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,5	Đạt	
67	CNTT1422	Vy Văn	Dự	27/08/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,7	5,5	Đạt	
68	CNTT1423	Lưu Văn	Dương	04/02/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,0	Đạt	
69	CNTT1424	Dương Văn	Đạo	20/09/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,2	5,5	Đạt	
70	CNTT1425	Lương Duy	Đạt	03/09/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,5	Đạt	
71	CNTT1426	Lương Quốc	Đạt	24/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,5	5,0	Đạt	
72	CNTT1427	Lương Tiến	Đạt	17/02/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,5	6,0	Đạt	
73	CNTT1428	Nguyễn Thành	Đạt	01/05/2004	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,2	5,5	Đạt	
74	CNTT1429	Hà Thị	Định	04/09/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,0	5,0	Đạt	
75	CNTT1430	La Thị	Định	02/06/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,2	5,5	Đạt	
76	CNTT1431	Hoàng Trung	Đức	09/10/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,0	5,5	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
77	CNTT1432	Nông Văn Đức		02/03/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	5,5	Đạt	
78	CNTT1433	Lý Văn Gia		31/08/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,0	5,5	Đạt	
79	CNTT1434	Hoàng Minh Giang		25/09/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,2	5,5	Đạt	
80	CNTT1435	Lương Thị Hương		06/05/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,5	5,5	Đạt	
81	CNTT1436	Mông Trường		11/02/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,5	Đạt	
82	CNTT1437	Nông Văn Giang		01/04/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,0	5,5	Đạt	
83	CNTT1438	Hoàng Văn Hà		25/06/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,5	5,5	Đạt	
84	CNTT1439	Lâm Việt Hà		11/03/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	6,5	Đạt	
85	CNTT1440	Nông Thị Hà		10/05/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,7	5,5	Đạt	
86	CNTT1441	Trần Việt Hà		23/04/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,5	5,5	Đạt	
87	CNTT1442	Lý Nhất Hào		06/03/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,5	5,0	Đạt	
88	CNTT1443	Chu Bích Hảo		26/05/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,7	5,0	Đạt	
89	CNTT1444	Hoàng Văn Hảo		06/01/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,5	Đạt	
90	CNTT1445	Vi Thị Hằng		27/04/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,7	5,0	Đạt	
91	CNTT1446	Hứa Thị Thu Hậu		07/07/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,7	6,0	Đạt	
92	CNTT1447	Chu Văn Hiên		28/10/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,0	6,0	Đạt	
93	CNTT1448	Hoàng Trung Hiếu		21/10/2004	Lạng Sơn	Nam	Kinh	7,2	5,0	Đạt	
94	CNTT1449	Hoàng Văn Hiếu		29/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,2	5,0	Đạt	
95	CNTT1450	La Minh Hiếu		26/09/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,5	6,0	Đạt	
96	CNTT1451	Nông Quang Hiếu		09/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,5	6,5	Đạt	
97	CNTT1452	Tô Văn Hiếu		10/09/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,0	Đạt	
98	CNTT1453	Lý Xuân Hiếu		18/07/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,0	5,0	Đạt	
99	CNTT1454	Đặng Thanh Hiệu		01/02/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,2	6,0	Đạt	
100	CNTT1455	Hoàng Thị Hoa		01/01/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,0	5,5	Đạt	
101	CNTT1456	Phan Đức Hòa		19/09/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,5	Đạt	
102	CNTT1457	Phan Minh Hoàng		25/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	5,5	Đạt	
103	CNTT1458	Vi Văn Hoàng		04/08/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	6,0	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
104	CNTT1459	Lương Thị	Hôn	28/07/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,5	5,5	Đạt	
105	CNTT1460	Hoàng Văn	Huấn	11/07/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	5,5	Đạt	
106	CNTT1461	Tôn Văn	Huấn	24/04/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	6,5	Đạt	
107	CNTT1462	Đình Mạnh	Hùng	11/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	5,5	Đạt	
108	CNTT1463	Hoàng Việt	Hùng	12/06/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	5,5	Đạt	
109	CNTT1464	Hứa Việt	Hùng	11/05/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,2	5,5	Đạt	
110	CNTT1465	Lăng Đức	Hùng	11/08/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,0	Đạt	
111	CNTT1466	Thân Tiến	Hùng	14/10/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	5,5	Đạt	
112	CNTT1467	Chu Doan	Huy	03/04/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,5	5,0	Đạt	
113	CNTT1468	Phan Quốc	Huy	27/04/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,5	Đạt	
114	CNTT1469	Phan Thanh	Huyền	08/05/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,0	5,5	Đạt	
115	CNTT1470	Hoàng Mạnh	Hưng	27/02/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	6,0	Đạt	
116	CNTT1471	Vĩ Văn	Hưng	20/01/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	6,0	Đạt	
117	CNTT1472	Chu Minh	Khánh	21/06/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,0	Đạt	
118	CNTT1473	Lèo Quốc	Khánh	12/02/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	5,0	Đạt	
119	CNTT1474	Lương Văn	Khánh	04/02/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,7	5,5	Đạt	
120	CNTT1475	Nguyễn Đức	Khánh	17/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,7	5,5	Đạt	
121	CNTT1476	Triệu Mùi	Khế	12/10/2004	Lạng Sơn	Nữ	Dao	6,0	5,5	Đạt	
122	CNTT1477	Hứa Văn	Khiêm	23/04/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	5,5	Đạt	
123	CNTT1478	Lộc Văn	Khoa	16/08/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	6,0	Đạt	
124	CNTT1479	Lành Văn	Khôn	21/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	6,5	Đạt	
125	CNTT1480	Hoàng Văn	Khởi	17/07/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,2	5,5	Đạt	
126	CNTT1481	Lăng Nhật	Khuyến	27/09/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	6,0	Đạt	
127	CNTT1482	Hoàng Trung	Kiên	25/06/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,5	5,5	Đạt	
128	CNTT1483	Hứa Văn	Kiên	23/02/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,5	6,0	Đạt	
129	CNTT1484	Lê Ngọc	Kiên	08/06/2004	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,2	5,5	Đạt	
130	CNTT1485	Lăng Thị	Lan	17/11/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,0	6,0	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
131	CNTT1486	Đặng Văn	Lăng	26/04/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,5	Đạt	
132	CNTT1487	Lành Văn	Lâm	19/06/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,2	6,0	Đạt	
133	CNTT1488	Ấu Văn	Lân	07/02/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,5	Đạt	
134	CNTT1489	Hứa Thị	Liêm	10/08/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,0	6,0	Đạt	
135	CNTT1490	Đinh Thị	Linh	15/08/2003	Quảng Ninh	Nữ	Nùng	6,0	5,5	Đạt	
136	CNTT1491	Hồ Xuân	Linh	09/12/2004	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	6,2	5,5	Đạt	
137	CNTT1492	Hoàng Việt Phương	Linh	10/02/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,2	6,0	Đạt	
138	CNTT1493	Lương Thùy	Linh	24/12/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,2	6,0	Đạt	
139	CNTT1494	Triệu Thị	Linh	04/03/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,7	5,5	Đạt	
140	CNTT1495	Hà Văn	Long	31/07/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,5	Đạt	
141	CNTT1496	Hoàng Quốc	Long	11/02/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,7	5,0	Đạt	
142	CNTT1497	Lữ Quang	Lộc	09/07/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	5,5	Đạt	
143	CNTT1498	Nông Văn	Lộc	10/03/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	5,5	Đạt	
144	CNTT1499	Nông Văn	Lợi	15/07/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	6,0	Đạt	
145	CNTT1500	Vy Thị	Lợi	23/03/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,5	6,0	Đạt	
146	CNTT1501	Vi Văn	Lượng	06/07/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,2	5,5	Đạt	
147	CNTT1502	Hoàng Thị Bích	Ly	01/02/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,2	5,5	Đạt	
148	CNTT1503	Dương Trùng	Lý	18/08/2002	Lạng Sơn	Nam	Dao	6,5	6,0	Đạt	
149	CNTT1504	Mông Văn	Mạnh	03/05/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,5	5,5	Đạt	
150	CNTT1505	Hoàng Thị	Mây	22/03/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,2	5,5	Đạt	
151	CNTT1506	La Thị	Mìn	22/10/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,0	6,5	Đạt	
152	CNTT1507	Dương A	Múi	26/12/2004	Lạng Sơn	Nữ	Dao	6,2	6,0	Đạt	
153	CNTT1508	Bùi Thị	Mười	19/09/2004	Hòa Bình	Nữ	Mường	6,0	5,5	Đạt	
154	CNTT1509	Lương Trà	My	11/08/2004	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	6,7	6,0	Đạt	
155	CNTT1510	Nguyễn Lê	Na	07/01/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,0	5,5	Đạt	
156	CNTT1511	Nguyễn Hoàng	Nam	30/06/2004	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,2	6,0	Đạt	
157	CNTT1512	Triệu Mùi	Nảy	20/11/2004	Lạng Sơn	Nữ	Dao	5,7	5,5	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
158	CNTT1513	Lâm Thị	Nga	20/12/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,2	5,5	Đạt	
159	CNTT1514	Nguyễn Thu	Nga	28/02/2004	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	6,0	5,5	Đạt	
160	CNTT1515	Nông Thị	Ngà	02/08/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,2	6,0	Đạt	
161	CNTT1516	Đường Văn	Nghĩa	05/12/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	5,5	Đạt	
162	CNTT1517	Phùng Văn	Nghĩa	15/08/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,5	Đạt	
163	CNTT1518	Lộc Văn	Nghiệm	01/03/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,7	6,5	Đạt	
164	CNTT1519	Hoàng Thị	Ngọc	24/12/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,7	5,5	Đạt	
165	CNTT1520	Hứa Thị	Ngọc	22/03/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,0	5,0	Đạt	
166	CNTT1521	Phùng Bích	Ngọc	24/12/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,2	6,0	Đạt	
167	CNTT1522	Hứa Văn	Nguyên	24/04/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,5	Đạt	
168	CNTT1523	Lăng Trung	Nguyên	13/04/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,5	6,0	Đạt	
169	CNTT1524	Lộc Thái	Nguyên	16/02/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,5	6,0	Đạt	
170	CNTT1525	Hoàng Minh	Nguyệt	27/12/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,5	Đạt	
171	CNTT1526	Triệu Văn	Nhàn	10/02/2004	Lạng Sơn	Nam	Dao	6,7	5,5	Đạt	
172	CNTT1527	Hoàng Thị	Nhung	15/05/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,2	6,5	Đạt	
173	CNTT1528	Hoàng Thị	Nhung	25/01/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,0	5,5	Đạt	
174	CNTT1529	Hoàng Tuyết	Nhung	27/04/2004	Lạng Sơn	Nữ	Hoa	5,5	5,5	Đạt	
175	CNTT1530	Lý Hồng	Nhung	20/07/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,0	6,5	Đạt	
176	CNTT1531	Nguyễn Hồng	Nhung	22/09/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,2	5,5	Đạt	
177	CNTT1532	Thị Thị	Nhung	17/01/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,5	6,0	Đạt	
178	CNTT1533	Lộc Thị Đình	Như	16/09/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,2	5,5	Đạt	
179	CNTT1534	Lâm Thị	Oanh	20/12/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,7	6,0	Đạt	
180	CNTT1535	Dương Múi	Pham	25/09/2004	Lạng Sơn	Nữ	Dao	6,7	5,5	Đạt	
181	CNTT1536	Hoàng Thị	Phấn	13/12/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,2	5,5	Đạt	
182	CNTT1537	Hoàng Thị	Phong	05/08/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,2	6,0	Đạt	
183	CNTT1538	Lý Trung	Phong	28/05/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	6,0	Đạt	
184	CNTT1539	Nông Văn	Phong	01/07/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,5	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
185	CNTT1540	Nguyễn Hồng	Phúc	06/03/2004	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,7	5,5	Đạt	
186	CNTT1541	Nông Văn	Phúc	15/07/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	5,5	Đạt	
187	CNTT1542	Vy Sáng	Phúc	24/11/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	5,0	Đạt	
188	CNTT1543	Hoàng Lan	Phương	19/11/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,7	5,5	Đạt	
189	CNTT1544	Lý Văn	Phương	09/06/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	6,0	Đạt	
190	CNTT1545	Hoàng Văn	Quang	14/10/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,2	6,0	Đạt	
191	CNTT1546	Hứa Hoàng	Quang	29/05/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,5	Đạt	
192	CNTT1547	Vi Thế	Quang	10/02/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,5	6,0	Đạt	
193	CNTT1548	Vi Văn	Quảng	06/12/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,5	5,5	Đạt	
194	CNTT1549	La Văn	Quân	09/02/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,0	Đạt	
195	CNTT1550	Lương Minh	Quân	27/06/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,2	6,0	Đạt	
196	CNTT1551	Mông Việt	Quân	16/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,5	Đạt	
197	CNTT1552	Luân Mạnh	Quyền	03/04/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,5	5,5	Đạt	
198	CNTT1553	Hứa Văn	Sáng	23/01/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,5	5,5	Đạt	
199	CNTT1554	Nguyễn Văn	Sáng	18/08/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,2	5,5	Đạt	
200	CNTT1555	Hoàng Thị	Sao	22/08/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,0	5,0	Đạt	
201	CNTT1556	Lường Văn	Sớm	04/02/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,5	Đạt	
202	CNTT1557	Hoàng Văn	Son	15/09/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	5,0	Đạt	
203	CNTT1558	Mùng Thanh	Son	20/05/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,5	Đạt	
204	CNTT1559	Chu Trần	Sư	25/09/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	5,5	Đạt	
205	CNTT1560	Hoàng Văn	Sự	02/06/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	5,5	Đạt	
206	CNTT1561	Hà Văn	Tài	13/12/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,2	5,0	Đạt	
207	CNTT1562	Lương Văn	Tài	15/12/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	5,5	Đạt	
208	CNTT1563	Đàm Minh	Tâm	29/10/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	5,0	Đạt	
209	CNTT1564	Hoàng Văn	Thái	22/10/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	5,5	Đạt	
210	CNTT1565	Lục Quang	Thái	20/10/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,2	5,5	Đạt	
211	CNTT1566	Hoàng Thu	Thanh	18/05/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,2	5,0	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
212	CNTT1567	Hoàng Văn	Thanh	13/12/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,5	5,5	Đạt	
213	CNTT1568	Hoàng Văn	Thành	08/01/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,5	5,5	Đạt	
214	CNTT1569	Lương Thuận	Thành	30/09/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	6,0	Đạt	
215	CNTT1570	Nguyễn Tiến	Thành	10/02/2004	Lạng Sơn	Nam	Kinh	7,0	5,5	Đạt	
216	CNTT1571	Phan Văn	Thành	16/06/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,5	Đạt	
217	CNTT1572	Hoàng Thị	Thảo	28/01/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,0	6,0	Đạt	
218	CNTT1573	Hứa Thị	Thảo	23/11/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,5	6,0	Đạt	
219	CNTT1574	Chu Văn	Thạo	12/10/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	5,5	Đạt	
220	CNTT1575	Vi Thị	Thạy	20/12/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,2	6,0	Đạt	
221	CNTT1576	Hoàng Văn	Thân	05/08/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,5	5,0	Đạt	
222	CNTT1577	Nông Quang	Thế	22/06/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,7	5,5	Đạt	
223	CNTT1578	Hoàng Thị	Thêm	19/07/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,2	6,0	Đạt	
224	CNTT1579	Lộc Bá	Thiên	31/01/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,2	5,5	Đạt	
225	CNTT1580	Lý Ngọc	Thiệp	03/11/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,5	5,0	Đạt	
226	CNTT1581	Hoàng Đức	Thịnh	15/11/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,0	Đạt	
227	CNTT1582	Lý Thái	Thịnh	23/09/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,0	5,0	Đạt	
228	CNTT1583	Hoàng Văn	Thỏa	05/04/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,2	5,0	Đạt	
229	CNTT1584	Hoàng Văn	Thoong	16/08/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,0	5,5	Đạt	
230	CNTT1585	Hoàng Văn	Thống	18/01/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,5	Đạt	
231	CNTT1586	Vi Thị	Thơ	11/02/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,0	5,0	Đạt	
232	CNTT1587	Hoàng Văn	Thơm	29/12/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,0	5,0	Đạt	
233	CNTT1588	Vi Vy	Thơm	03/08/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,5	5,5	Đạt	
234	CNTT1589	Triệu Thị	Thu	29/11/2004	Lạng Sơn	Nữ	Dao	5,7	5,5	Đạt	
235	CNTT1590	Vy Văn	Thụ	13/06/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,2	5,5	Đạt	
236	CNTT1591	Hà Việt	Thuân	01/06/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,2	5,0	Đạt	
237	CNTT1592	Trịnh Thu	Thúy	12/06/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	6,0	Đạt	
238	CNTT1593	Lý Thu	Thủy	29/06/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,0	5,5	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
239	CNTT1594	Vy Thị	Thủy	28/04/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,2	5,0	Đạt	
240	CNTT1595	Hoàng Văn	Thương	19/11/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,0	5,5	Đạt	
241	CNTT1596	Hoàng Văn	Tiến	05/08/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,0	Đạt	
242	CNTT1597	Hứa Quang	Tiến	20/06/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	6,0	Đạt	
243	CNTT1598	Vi Văn	Tiến	06/09/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,0	Đạt	
244	CNTT1599	Hà Văn	Tin	04/09/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	5,5	Đạt	
245	CNTT1600	Dương Văn	Tôn	08/08/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,2	5,5	Đạt	
246	CNTT1601	Hoàng Văn	Tôn	24/09/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,5	Đạt	
247	CNTT1602	Lý Văn	Tôn	17/12/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,5	5,5	Đạt	
248	CNTT1603	Nông Thị	Tới	28/04/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,5	5,0	Đạt	
249	CNTT1604	Phạm Thị Hương	Trà	28/10/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	6,2	6,0	Đạt	
250	CNTT1605	Nông Thùy	Trang	21/11/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,0	5,0	Đạt	
251	CNTT1606	Vi Thị	Trang	20/01/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,2	6,0	Đạt	
252	CNTT1607	Mùng Văn	Trăng	29/01/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	5,0	Đạt	
253	CNTT1608	Hoàng Thị Thanh	Trâm	08/09/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,5	5,5	Đạt	
254	CNTT1609	Nguyễn Thị Minh	Trâm	21/09/2004	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	6,0	5,0	Đạt	
255	CNTT1610	Hoàng Đức	Trọng	14/11/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	5,5	Đạt	
256	CNTT1611	Hoàng Văn	Trọng	19/03/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,5	Đạt	
257	CNTT1612	Vi Văn	Trọng	01/12/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,0	5,0	Đạt	
258	CNTT1613	Vy Tự	Trọng	20/07/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,5	Đạt	
259	CNTT1614	Hoàng Thị Thanh	Trúc	03/09/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,0	5,5	Đạt	
260	CNTT1615	Hoàng Văn	Trung	13/11/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	6,0	Đạt	
261	CNTT1616	Lương Quang	Trung	20/01/2004	Lạng Sơn	Nam	Hoa	6,0	7,0	Đạt	
262	CNTT1617	Ngô Văn	Truyền	09/11/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,2	5,0	Đạt	
263	CNTT1618	Lê Văn	Trường	18/10/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,0	Đạt	
264	CNTT1619	Lê Thanh	Tú	19/06/2004	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,5	5,0	Đạt	
265	CNTT1620	Lộc Văn	Tú	10/12/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,5	5,5	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
266	CNTT1621	Hoàng Minh	Tuấn	10/01/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,5	Đạt	
267	CNTT1622	Lộc Quang	Tuấn	21/05/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,0	6,0	Đạt	
268	CNTT1623	Lý Văn	Tuấn	02/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,5	Đạt	
269	CNTT1624	Vy Văn	Tuấn	26/09/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	5,5	Đạt	
270	CNTT1625	Hoàng Minh	Tùng	11/04/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	6,5	Đạt	
271	CNTT1626	Nguyễn Thanh	Tùng	20/04/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,0	5,5	Đạt	
272	CNTT1627	Vi Văn	Tùng	30/03/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,2	5,5	Đạt	
273	CNTT1628	Hoàng Thị Thanh	Tuyền	01/05/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,2	5,5	Đạt	
274	CNTT1629	La Văn	Tuyền	22/07/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,5	5,0	Đạt	
275	CNTT1630	Lăng Thị	Tuyết	21/06/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,0	5,5	Đạt	
276	CNTT1631	Hứa Văn	Tỷ	18/08/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,7	5,0	Đạt	
277	CNTT1632	Lăng Hồng	Vân	03/04/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	6,0	Đạt	
278	CNTT1633	Nông Thị Hồng	Vân	28/01/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,2	6,5	Đạt	
279	CNTT1634	Tôn Đình	Viễn	05/09/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	6,5	Đạt	
280	CNTT1635	Hứa Thị	Viết	18/03/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,2	5,0	Đạt	
281	CNTT1636	Hoàng Chung	Việt	23/09/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,5	5,0	Đạt	
282	CNTT1637	Hoàng Đức	Việt	21/10/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,0	5,5	Đạt	
283	CNTT1638	Lương Quốc	Việt	24/05/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,5	Đạt	
284	CNTT1639	Hoàng Văn	Vĩnh	21/07/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,7	5,5	Đạt	
285	CNTT1640	Lý Phúc	Vĩnh	15/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,5	Đạt	
286	CNTT1641	Hoàng Anh	Vũ	14/12/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	5,5	Đạt	
287	CNTT1642	Hoàng Long	Vũ	25/12/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	5,5	Đạt	
288	CNTT1643	Hoàng Văn	Vượng	11/05/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	5,5	Đạt	
289	CNTT1644	Vy Quốc	Vượng	27/01/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,5	5,5	Đạt	
290	CNTT1645	Hoàng Văn	Vượng	18/06/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,5	Đạt	
291	CNTT1646	Hà Thị Yên	Vy	06/08/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,0	5,5	Đạt	
292	CNTT1647	Hoàng Thị	Xuân	24/12/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,2	5,5	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
293	CNTT1648	Tô Thanh	Xuân	08/08/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,7	5,5	Đạt	
294	CNTT1649	Hoàng Thị	Yến	03/10/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,5	5,0	Đạt	
295	CNTT1650	Lương Thị Phi	Yến	19/08/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,0	5,5	Đạt	
296	CNTT1651	Nguyễn Hữu	Ân	10/08/1980	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,7	8,0	Đạt	
297	CNTT1652	La Thành	Công	09/11/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	6,0	Đạt	
298	CNTT1653	Nguyễn Trung	Công	09/07/2004	Đắk Lắk	Nam	Kinh	5,5	5,0	Đạt	
299	CNTT1654	Lương Thị Thúy	Dung	08/12/2004	Hà Nội	Nữ	Kinh	6,5	5,0	Đạt	
300	CNTT1655	Giáp Văn	Duy	22/03/2005	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,7	5,5	Đạt	
301	CNTT1656	Đặng Văn	Đạt	24/11/2005	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,2	5,5	Đạt	
302	CNTT1657	Lê Hoàng	Đức	27/09/1996	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	5,0	Đạt	
303	CNTT1658	Nguyễn Văn	Đức	26/09/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,0	8,0	Đạt	
304	CNTT1659	Nguyễn Ngọc	Hân	13/11/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	5,5	Đạt	
305	CNTT1660	Đoàn Ngọc	Hiếu	19/10/2005	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,2	5,5	Đạt	
306	CNTT1661	Ngô Gia Thiên	Hoàng	26/07/2004	Đồng Nai	Nam	Kinh	7,2	5,5	Đạt	
307	CNTT1662	Từ Văn	Hưng	24/06/1990	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	7,2	5,5	Đạt	
308	CNTT1663	Ngô Thế	Khoát	19/09/2005	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,0	5,5	Đạt	
309	CNTT1664	Đặng Khánh	Linh	25/12/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,7	5,5	Đạt	
310	CNTT1665	Phan Thị Mỹ	Linh	10/10/1998	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	8,0	Đạt	
311	CNTT1666	Chu Thị	Lộc	07/07/1987	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,7	8,0	Đạt	
312	CNTT1667	Nguyễn Duy	Định	19/10/1987	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,5	7,5	Đạt	
313	CNTT1668	Phùng Thu	Hiền	19/01/1997	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,7	6,5	Đạt	
314	CNTT1669	Nguyễn Văn	Lương	10/04/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	5,5	Đạt	
315	CNTT1670	Đỗ Đức	Minh	21/01/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,5	5,5	Đạt	
316	CNTT1671	Ngô Thị Chà	My	04/07/1991	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	7,5	Đạt	
317	CNTT1672	Ngô Thế	Nam	31/05/2005	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,0	5,5	Đạt	
318	CNTT1673	Lương Thị	On	27/09/1999	Cao Bằng	Nữ	Kinh	7,2	7,0	Đạt	
319	CNTT1674	Vũ Hồng	Phúc	10/12/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,2	5,5	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
320	CNTT1675	Nguyễn Văn	Quân	01/09/2005	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,5	5,5	Đạt	
321	CNTT1676	Nguyễn Vương	Quốc	18/11/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,5	6,0	Đạt	
322	CNTT1677	Đoàn Xuân	Sử	01/10/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,2	6,5	Đạt	
323	CNTT1678	Dương Đức	Thắng	30/12/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,0	5,5	Đạt	
324	CNTT1679	Nguyễn Văn	Thụ	05/12/2005	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,0	5,5	Đạt	
325	CNTT1680	Nguyễn Hữu	Tiến	16/06/2005	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	5,0	Đạt	
326	CNTT1681	Nguyễn Thị	Trang	25/07/1991	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	7,5	Đạt	
327	CNTT1682	Phan Hoàng Cẩm	Tú	17/10/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,2	5,5	Đạt	
328	CNTT1683	Thân Đức	Tú	15/06/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	6,0	Đạt	
329	CNTT1684	Thân Văn	Tùng	24/12/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,0	5,5	Đạt	
330	CNTT1685	Hoàng Duy	Uyên	30/07/1999	Bắc Giang	Nữ	Tày	7,0	8,0	Đạt	
331	CNTT1686	Tổng Thị	Vân	18/08/1997	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,2	7,0	Đạt	
332	CNTT1687	Nguyễn Đình	Vinh	23/12/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,5	6,0	Đạt	

Tổng số thí sinh theo danh sách: 332

Số thí sinh vắng thi: 2

Số thí sinh dự thi: 330

Số thí sinh đạt yêu cầu: 330

Số thí sinh không đạt yêu cầu: 0

Bắc Giang, ngày 29 tháng 7 năm 2021

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ

(Đã ký)

ThS. Nguyễn Thị Hoa